

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện C, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Mai Bá D.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn P 1, xã T M, huyện N T, tỉnh Quảng Nam.

Hiện tạm trú tại địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện C, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị N và anh Mai Bá D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về hôn nhân:** Chị Hoàng Thị N và anh Mai Bá D thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Có hai con chung là Mai Bá Việt Cường, sinh ngày 17/8/2013, Mai Bá Bảo Ngọc, sinh ngày 28/3/2015. Thỏa thuận giao hai con chung cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi đương sự phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tổng cộng là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Chị N tự nguyện nộp thay tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh D . Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003465 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô. Hoàn trả cho chị Nhung 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Long